

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-HĐND ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Mức thu

1. Biểu mức thu phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	Mức thu						
	≤10	>10 và ≤20	>20 và ≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)							
Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng	6,0	10,0	17,0	21,0	23,0	25,5	28,0
Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	10,5	17,5	22,0	24,0	26,5	29,0
Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8,0	11,0	18,0	22,5	24,5	27,5	30,0
Nhóm 4. Dự án giao thông	8,5	11,5	18,5	23,0	25,5	28,0	31,0
Nhóm 5. Dự án công nghiệp	9,0	12,0	19,0	24,0	26,5	29,0	32,0
Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5)	5,0	7,0	12,0	15,0	16,5	18,0	20,0

2. Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu phí cao nhất.

Điều 3. Cơ quan thu phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

2. Cơ quan thu phí nộp 10% số phí thu được vào ngân sách nhà nước, để lại 90% tổng số tiền phí thu được để sử dụng chi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ.

3. Cơ quan thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định. Định kỳ hàng tuần, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí

thu được vào tài khoản chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước Kiên Giang.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết 127/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khoá IX, Kỳ họp thứ Hai mươi sáu thông qua ngày 13 tháng 01 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 01 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng Công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh